

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HN-ST
Ngày 03 tháng 7 năm 2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Thật

2. Ông Trần Thanh Việt

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định Hoãn phiên tòa số: 128/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ý N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: khóm T, phường H, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ý N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ý N và ông Nguyễn Thành T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/8/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc do ông T thường xuyên uống rượu, không chí thú làm ăn để lo cho gia đình, khi vợ chồng bất hòa thì ông T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2019 đến nay. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà N yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Trung Đ, sinh ngày

27/6/2012, hiện do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thành T mặc dù đã được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông T vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ý N. Tại phiên tòa, ông T tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được thực hiện đúng quy định tại Điều 177, 179 BLTTDS 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 203 BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Ý N được ly hôn đối với ông Nguyễn Thành T.

Về con chung: Bà N được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trung Đ sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng: Bà N yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng là cao hơn quy định pháp luật, nên cần điều chỉnh theo quy định pháp luật là ½ tháng lương theo mức lương cơ bản do Nhà nước quy định.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ý N khởi kiện tranh chấp ly hôn với ông Nguyễn Thành T, ông T cư ngụ tại địa chỉ khóm T, phường H, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng ông Nguyễn Thành T vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, bà Nguyễn Thị Ý N có đơn xin xét xử

vắng mặt. Căn cứ khoản 1; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà N và ông T.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ý N và ông Nguyễn Thành T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2012, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân ly hôn theo bà N trình bày sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, do ông T thường xuyên uống rượu, không chí thú làm ăn để lo cho gia đình và bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2019 đến nay. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc, không có cơ hội hàn gắn nên bà N vẫn kiên quyết ly hôn.

[3] Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Công an phường H thể hiện: Dương sự Nguyễn Thành T, sinh năm 1988 có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ khóm T, phường H, thành phố L.

[4] Qua lời trình bày của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án ông T vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà N về tranh chấp ly hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung, không cung cấp, giao nộp chứng cứ và vắng mặt trong các buổi làm việc theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do là không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử động viên bà N vì con tạo cơ hội vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà N vẫn kiên quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ý N được ly hôn ông Nguyễn Thành T, như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 27/6/2012 do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Xét thấy, con chung hiện do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển tốt. Cháu Đ cũng có nguyện vọng được sống với bà N, nếu cha mẹ ly hôn. Ông T không tranh chấp quyền nuôi con. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung của ông T và bà N, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Bà N là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về mức cấp dưỡng, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ (một phần hai) mức lương cơ sở do Nhà nước qui định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con, hiện nay mức lương cơ sở là 1.490.000đ/tháng. Do đó, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng

745.000đ/cháu/tháng, đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian thực hiện kể từ ngày 03/7/2020. Mức cấp dưỡng được thay đổi theo từng thời điểm.

Bà N phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N trình bày không có.

Ông T không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ý N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Ông T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3, Điều 228; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ý N được ly hôn ông Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 27/6/2012. Bà N được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000đ (Bảy trăm bốn mươi năm nghìn đồng), thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày 03/7/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Mức cấp dưỡng được thay đổi theo từng thời điểm.

Bà N phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ý N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000774, ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Nguyễn Thành T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- UBND xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa